



CÔNG TY LUẬT TNHH TOÀN CẦU ATA
ATA LEGAL SERVICES



GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ CỦA DOANH NGHIỆP
CẦN LƯU Ý NHỮNG GÌ KHI TRIỂN KHAI TRÊN THỰC TIỄN

Trong năm 2023, đứng trước nhiều khó khăn, thách thức từ thị trường nên, rất nhiều doanh nghiệp đã phải thu hẹp phạm vi sản xuất kinh doanh hoặc dừng, tạm dừng hoạt động đầu tư, triển khai dự án. Điều này dẫn đến một thực tế là nguồn vốn của doanh nghiệp sẽ tạm thời chưa được sử dụng vào những dự án, kế hoạch đã bị thu hẹp hoặc dừng/ tạm dừng đó. Trong tình huống này, nhiều doanh nghiệp lựa chọn hình thức giảm vốn điều lệ để các cổ đông/ thành viên góp vốn có thể sử dụng khoản vốn góp/ tiền thanh toán cổ phần được hoàn lại vào các mục tiêu khác.

Từ thực tiễn tư vấn, hỗ trợ cho các khách hàng, Công ty Luật TNHH Toàn cầu ATA (ATA Legal Services) thực hiện chuyên đề pháp lý **“GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ CỦA DOANH NGHIỆP – CẦN LƯU Ý NHỮNG GÌ KHI TRIỂN KHAI TRÊN THỰC TIỄN¹”**. Mục tiêu của chúng tôi khi thực hiện chuyên đề này là để đưa tới cho độc giả những cái nhìn tổng thể và toàn diện, đồng thời cũng đưa ra những khuyến nghị và lưu ý đối với các vấn đề phát sinh liên quan đến quá trình giảm vốn điều lệ của doanh nghiệp.

I. VĐL và việc giảm VĐL

Theo Khoản 34 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020, VĐL được định nghĩa là *“tổng giá trị tài sản do các thành viên công ty, chủ sở hữu công ty đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập CTTNHH, công ty hợp danh; là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập CTCP.”*

Nói một cách đơn giản thì VĐL chính là số vốn do doanh nghiệp đăng ký khi thành lập, được ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Chỉ trong một số trường hợp pháp luật quy định mức vốn pháp định áp dụng cho một số ngành nghề, lĩnh vực nhất định, còn lại, trong hầu hết các trường hợp, pháp luật không giới hạn mức VĐL tối thiểu hay tối đa mà chỉ yêu cầu việc góp vốn theo đúng số, mức đã đăng ký tại hồ sơ thành lập doanh nghiệp. Mức VĐL có thể tăng hoặc giảm trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, tùy vào tình hình thực tiễn và nhu cầu của doanh nghiệp đó.

II. Các trường hợp được phép giảm VĐL

¹ Trong phạm vi Chuyên đề này, chúng tôi sẽ chỉ đề cập đến vấn đề giảm VĐL của các CTTNHH và CTCP thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật doanh nghiệp, không bao gồm các dạng doanh nghiệp khác tại Luật Doanh nghiệp 2020 và các công ty đại chúng theo quy định pháp luật chứng khoán.

Không phải trong mọi trường hợp, doanh nghiệp đều được quyền giảm VĐL, việc giảm VĐL của doanh nghiệp chỉ được thực hiện trong các trường hợp cụ thể với các điều kiện xác định như sau:

Vấn đề	CT TNHH hai thành viên trở lên	CT TNHH một thành viên	CTCP (không phải công ty đại chúng)
Cơ sở pháp lý	Khoản 3 Điều 68 Luật Doanh nghiệp 2020.	Khoản 3 Điều 87 Luật Doanh nghiệp 2020.	Khoản 5 Điều 112 Luật Doanh nghiệp 2020.
Các trường hợp được giảm VĐL	Thành viên không góp đầy đủ VĐL trong 90 ngày kể từ ngày thành lập doanh nghiệp.	Chủ sở hữu không góp đầy đủ VĐL trong 90 ngày kể từ ngày thành lập doanh nghiệp.	Cổ đông không thanh toán đầy đủ cổ phần đã đăng ký mua trong 90 ngày kể từ ngày thành lập doanh nghiệp.
	<p>1. Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho thành viên</p> <p>Điều kiện thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Công ty phải hoàn trả theo tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên trong VĐL. + Công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày thành lập. + Công ty phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho thành viên. 	<p>1. Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho chủ sở hữu</p> <p>Điều kiện thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày thành lập. + Công ty phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho chủ sở hữu. 	<p>1. Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông</p> <p>Điều kiện thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Được ĐHĐCĐ thông qua; + Công ty hoàn trả theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty. + Công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày thành lập. + Công ty phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho các cổ đông.

	<p>2. Công ty mua lại phần vốn góp của thành viên</p> <p>Điều kiện thực hiện: thành viên đó đã bỏ phiếu không tán thành đối với nghị quyết, quyết định của HĐQT về vấn đề tổ chức lại công ty, sửa đổi quyền nghĩa vụ của thành viên, HĐQT trong Điều lệ công ty hoặc trường hợp khác theo điều lệ công ty.</p>		<p>2. Công ty mua lại cổ phần đã bán theo yêu cầu của cổ đông</p> <p>Điều kiện thực hiện: cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty.</p> <hr/> <p>3. Công ty mua lại cổ phần đã bán theo Quyết định của công ty</p> <p>Điều kiện thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Công ty không được mua lại quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán. + Công ty mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty. + Công ty phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã mua lại cho các cổ đông.
--	--	--	---

III. Quy trình triển khai thực hiện

3.1. Trường hợp cổ đông/ thành viên/ chủ sở hữu không góp đủ vốn trong thời hạn quy định khi thành lập doanh nghiệp

Bước 1: Họp ĐHCĐ/ HĐQT về việc thông qua kế hoạch giảm VDL.

Bước 2: Đăng ký thay đổi VDL và/hoặc danh sách thành viên/ cổ đông với cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thời hạn: 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn góp vốn/ thanh toán cổ phần theo quy định.

Bước 3: Sửa đổi Điều lệ, sổ đăng ký cổ đông/ sổ đăng ký thành viên; thu hồi, tiêu huỷ Giấy chứng nhận phần vốn góp/ Cổ phiếu cũ và cấp lại Giấy chứng nhận phần vốn góp/ Cổ phiếu mới.

3.2. Trường hợp công ty hoàn trả một phần vốn đã góp cho thành viên/ chủ sở hữu/ cổ đông

Bước 1: Hội đồng Quản trị/ Hội đồng Giám đốc về việc thông qua kế hoạch hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông/ thành viên/ chủ sở hữu để giảm VĐL.

Bước 2: Thanh toán giá trị vốn góp được hoàn trả.

Bước 3: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thời hạn: 10 ngày kể từ ngày thay đổi VĐL/ ngày hoàn thành việc thanh toán giá trị vốn góp/ cổ phần hoàn trả.

Bước 4: Sửa đổi Điều lệ và sổ đăng ký cổ đông/ sổ đăng ký thành viên; thu hồi, tiêu huỷ Giấy chứng nhận phần vốn góp/ Cổ phiếu cũ và cấp lại Giấy chứng nhận phần vốn góp/ Cổ phiếu mới.

3.3. Trường hợp công ty mua lại một phần vốn đã góp của thành viên/ cổ đông do thành viên/ cổ đông đã bỏ phiếu không tán thành với việc sửa đổi, bổ sung quyền, nghĩa vụ của thành viên/ cổ đông và có yêu cầu công ty mua lại

Bước	CT TNHH hai thành viên trở lên	CTCP
1	Thành viên biểu quyết không tán thành Nghị quyết HĐQT về các vấn đề tổ chức lại công ty, sửa đổi quyền nghĩa vụ của thành viên, HĐQT trong Điều lệ công ty, hoặc trường hợp khác theo Điều lệ công ty.	Cổ đông biểu quyết không tán thành Nghị quyết ĐHQĐ về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty.
2	Thành viên gửi yêu cầu mua lại phần vốn góp bằng văn bản đến công ty. <i>Thời hạn: 15 ngày kể từ ngày thông qua Nghị quyết trên.</i>	Cổ đông gửi yêu cầu mua lại cổ phần bằng văn bản đến công ty. <i>Thời hạn: 10 ngày kể từ ngày thông qua Nghị quyết trên.</i>

3	HĐTV họp và thông qua Nghị quyết về việc mua lại phần vốn góp của thành viên để giảm VĐL.	ĐHĐCĐ họp và thông qua Nghị quyết về việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.
4	Công ty thanh toán tiền mua lại phần vốn góp cho thành viên. <i>Thời hạn: 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu mua lại</i>	Công ty thanh toán tiền mua lại cổ phần. <i>Thời hạn: 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu mua lại.</i>
5	HĐTV họp và thông qua kết quả mua lại phần vốn góp của thành viên.	ĐHĐCĐ/ HĐQT họp và thông qua kết quả mua lại cổ phần của cổ đông.
6	Thông báo thay đổi VĐL. <i>Thời hạn: 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc giảm VĐL.</i>	Thông báo thay đổi VĐL. <i>Thời hạn: 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc giảm VĐL.</i>
7	Sửa đổi Điều lệ, sổ đăng ký thành viên; thu hồi, tiêu hủy Giấy chứng nhận phần vốn góp cũ và cấp lại Giấy chứng nhận phần vốn góp mới.	Sửa đổi Điều lệ, sổ đăng ký cổ đông và thu hồi, tiêu hủy Cổ phiếu cũ và cấp lại Cổ phiếu mới.

3.4. Trường hợp công ty chủ động mua lại cổ phần của cổ đông

CTCP có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo trình tự sau đây:

Bước 1: ĐHĐCĐ họp và thông qua Nghị quyết việc mua lại cổ phần của cổ đông. ĐHĐCĐ có thể giao cho HĐQT triển khai công tác mua lại cổ phần.

Bước 2: Công ty gửi Thông báo về việc mua lại cổ phần của cổ đông để giảm VĐL của công ty cho tất cả cổ đông.

Thời hạn: 30 ngày kể từ ngày thông qua Nghị quyết về việc mua lại cổ phần của cổ đông.

Bước 3: Cổ đông gửi Văn bản đăng ký/ từ chối thực hiện quyền bán lại cổ phần cho công ty.

Thời hạn: 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo về việc mua lại cổ phần của cổ đông để giảm VĐL của công ty.

Bước 4: Thanh toán cổ phần mua lại của cổ đông.

Thời hạn: Theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc thỏa thuận khác giữa các bên.

Bước 5: ĐHCĐ/ HĐQT họp và thông qua kết quả mua lại cổ phần của cổ đông.

Bước 6: Đăng ký thay đổi VĐL với cơ quan đăng ký kinh doanh.

Bước 7: Sửa đổi Điều lệ, sổ đăng ký cổ đông; thu hồi, tiêu huỷ Cổ phiếu cũ và cấp lại Cổ phiếu mới.

IV. Một số khuyến nghị và lưu ý trong quá trình triển khai thủ tục và hồ sơ giảm VĐL

4.1. Thuế thu nhập của các thành viên/ chủ sở hữu/ cổ đông khi giảm VĐL

Trừ trường hợp giảm VĐL do thành viên/ chủ sở hữu/ cổ đông chưa góp đủ vốn trong thời hạn quy định khi thành lập doanh nghiệp, các trường hợp giảm VĐL còn lại, theo quy định tại Luật Doanh nghiệp hiện hành, sẽ dẫn đến việc hoàn trả/ mua lại phần vốn góp/ cổ phần giữa thành viên/ cổ đông và Công ty, tức là diễn ra việc chuyển nhượng phần vốn góp/ cổ phần. Vì vậy, giao dịch hoàn trả/mua lại phần vốn góp/ cổ phần được xác định thuế tương tự với trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp/ cổ phần. Cụ thể như sau:

a. Đối với thành viên/ chủ sở hữu/ cổ đông là cá nhân:

- Đối với việc mua lại/ hoàn lại phần vốn góp của CTTNHH:

Thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng vốn trong CTTNHH chỉ được tính trên phần chênh lệch giữa giá chuyển nhượng và giá mua ban đầu của phần vốn chuyển nhượng). Do đó, theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, có thể hiểu, việc hoàn lại phần vốn góp sẽ không phát sinh chênh lệch so với giá trị vốn góp ban đầu. Vì vậy sẽ không phát sinh thuế TNCN.

Đối với trường hợp Công ty mua lại phần vốn góp của từ thành viên, có thể giá trị mua lại sẽ chênh lệch (thấp hoặc cao hơn) hoặc bằng so với giá trị vốn góp. Trường hợp giá trị mua lại cao hơn so với giá trị vốn góp ban đầu, thành viên sẽ chịu mức thuế tương ứng theo công thức sau:

Thuế TNCN đối với phần vốn góp bán lại cho Công ty = 20% x (Giá bán lại – Giá trị ban đầu của phần vốn góp)

- Đối với việc hoàn trả phần vốn/ mua lại cổ phần của CTCP:

Theo quy định, khi có hoạt động chuyển nhượng cổ phần, bên chuyển nhượng sẽ phải chịu thuế TNCN ở mức 0,1% giá trị chuyển nhượng, không phụ thuộc vào việc bên chuyển nhượng có thu được lợi nhuận từ hoạt động này hay không. Trên thực tế, việc cổ đông bán lại cổ phần cho công ty vẫn được xem như việc chuyển nhượng và chịu thuế TNCN như những trường hợp khác.

Tuy nhiên, có một trường hợp đặc biệt đó là khi CTCP hoàn trả phần vốn góp của cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty. Nếu theo quy định này, có thể hiểu là không có hoạt động chuyển nhượng cổ phần giữa cổ đông và công ty. Nhưng do quy định pháp luật hiện nay về vấn đề hoàn lại phần vốn góp cho cổ đông chưa rõ ràng, thậm chí là không có quy định để áp dụng. Do vậy, chưa đủ cơ sở, căn cứ để xác định trường hợp này có được coi như trường hợp hoàn vốn tại CTTNHH và được áp dụng cách tính thuế TNCN như đối với giao dịch hoàn lại/ mua lại phần vốn góp tại CTTNHH hay không?

b. Đối với thành viên/ chủ sở hữu/ cổ đông là tổ chức:

Đối với trường hợp thành viên/ chủ sở hữu/ cổ đông là tổ chức, thuế TNDN có thể phát sinh trong cả trường hợp giảm VDL do công ty hoàn trả/ mua lại phần vốn góp/ cổ phần của thành viên/ chủ sở hữu/ cổ đông phụ thuộc vào giá trị mà tổ chức đó được nhận lại từ công ty. Cụ thể:

Thuế TNDN = 20% x (Giá trị hoàn trả/ Giá trị mua lại – Giá trị ban đầu của phần vốn góp – Chi phí chuyển nhượng)

c. Thời điểm kê khai thuế thu nhập phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng

- Thời điểm kê khai thuế TNCN đối với thành viên/ chủ sở hữu/ cổ đông là cá nhân: Trường hợp doanh nghiệp nộp thuế thay cho thành viên/ cổ đông thì thời điểm nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là trước khi làm thủ tục thay đổi danh sách thành viên/ cổ đông theo quy định của pháp luật². Theo tinh thần của quy định trên, nghĩa vụ kê khai của doanh nghiệp sẽ phát sinh ngay sau khi hoàn thành việc thanh toán phần vốn góp được hoàn trả/ việc thanh toán giá trị phần vốn góp/ cổ phần được mua lại.
- Thời điểm kê khai thuế TNDN đối với thành viên/ chủ sở hữu/ cổ đông là tổ chức: Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế là ngày thứ 10 (mười) kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền chuẩn y việc chuyển nhượng vốn (là thời điểm cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận việc giảm VDL trong trường hợp chuyển nhượng vốn do công ty hoàn trả, mua lại phần vốn góp/ cổ phần cho thành viên/ chủ sở hữu/ cổ đông để giảm VDL)³.

² Thông tư 156/2013/TT-BTC.

³ Điểm b Khoản 7 Thông tư 151/2014/TT-BTC.

4.2. Giá mua lại

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020, giá mua lại phần vốn góp/ cổ phần phải được xác định theo giá thị trường hoặc giá được xác định theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không thoả thuận được về giá mua lại, các bên có thể yêu cầu tổ chức thẩm định giá xác định.

Trên thực tế, các doanh nghiệp thường xác định mức giá mua lại theo mệnh giá hoặc giá trị sổ sách của doanh nghiệp tại thời điểm mua lại.

4.3. Thanh toán phần vốn góp/ cổ phần được hoàn trả/ mua lại

a. Phương thức thanh toán

Do pháp luật không có quy định cụ thể, nên doanh nghiệp có thể tùy nghi lựa chọn phương thức thanh toán giá trị phần vốn góp/ cổ phần được hoàn trả/ mua lại cho thành viên/ chủ sở hữu/ cổ đông phù hợp với nhu cầu và thực tiễn của mình.

Riêng đối với trường hợp thành viên/ chủ sở hữu/ cổ đông là doanh nghiệp, việc thanh toán phải đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 222/2013/NĐ-CP: *“Các doanh nghiệp không thanh toán bằng tiền mặt trong các giao dịch góp vốn và mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp vào doanh nghiệp”*.

Ngoài ra, doanh nghiệp cần lưu ý về việc đảm bảo tính đầy đủ, hợp pháp của các chứng từ, tài liệu chứng minh công tác thanh toán nhằm tránh phát sinh các rủi ro trong công tác hạch toán, kế toán hoặc kiện cáo từ các thành viên/ chủ sở hữu/ cổ đông có liên quan.

b. Thời hạn thanh toán

Pháp luật không có quy định cụ thể về thời hạn hoàn thành việc thanh toán giá trị vốn góp/ cổ phần mà công ty hoàn lại/ mua lại cho thành viên/ cổ đông. Luật Doanh nghiệp 2020 chỉ ghi nhận nội dung quy định về “thời hạn mua lại” của công ty khi nhận được yêu cầu của thành viên/ cổ đông. Cụ thể:

- CTCP *“phải mua lại cổ phần yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty... trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một*

tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng”⁴.

- CTTNHH *“Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên... phải mua lại phần vốn góp của thành viên đó theo giá thị trường hoặc giá được xác định theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty, trừ trường hợp hai bên thỏa thuận được về giá. Việc thanh toán chỉ được thực hiện nếu sau khi thanh toán đủ phần vốn góp được mua lại, công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác”⁵.*

Theo chúng tôi, quy định trên có thể hiểu theo 2 nghĩa: 1- trong thời hạn này, công ty phải quyết định và trả lời cho thành viên/ cổ đông về việc mua lại phần vốn góp/ cổ phần và các vấn đề có liên quan như giá mua lại, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán; hoặc 2- trong thời hạn này, công ty phải hoàn thành việc mua lại tức là bao gồm cả việc thanh toán giá trị phần vốn góp/ cổ phần mua lại cho thành viên/ cổ đông. Hiện nay, chưa có bất kỳ văn bản nào quy định rõ về vấn đề này. Doanh nghiệp hoàn toàn có thể lựa chọn triển khai theo hướng có lợi hoặc phù hợp với thực tiễn tại doanh nghiệp.

c. Thời điểm giảm VĐL

Việc xác định thời điểm giảm VĐL (hay thời điểm hoàn thành việc giảm VĐL) có ý nghĩa trong việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ đăng ký thay đổi VĐL với Cơ quan đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

Khoản 2 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định CTCP phải đăng ký giảm VĐL tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác. Theo đó, thời điểm giảm VĐL được xác định là thời điểm hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần.

Trên thực tế, mặc dù không có quy định cụ thể để xác định thời điểm giảm VĐL trong các trường hợp khác, song các doanh nghiệp vẫn thường áp dụng thời điểm hoàn thành việc thanh toán tiền hoàn trả/ mua lại phần vốn góp/ cổ phần của thành viên/ chủ sở hữu/ cổ đông, hoặc thời điểm ghi nhận trong các sổ sách, kế toán, báo cáo, v.v. của công ty là thời điểm hoàn thành việc giảm VĐL.

d. Đồng tiền thanh toán

⁴ Khoản 2 Điều 132 Luật Doanh nghiệp 2020.

⁵ Khoản 3 Điều 51 Luật Doanh nghiệp 2020.

Theo nguyên tắc hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam quy định tại Thông tư 32/2013/TT-NHNN, trên lãnh thổ Việt Nam, trừ các trường hợp được sử dụng ngoại hối theo quy định, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối.

Trường hợp thanh toán phần vốn góp/ cổ phần được hoàn trả/ mua lại không thuộc đối tượng được sử dụng ngoại hối theo quy định, do đó, sẽ được thực hiện bằng đồng Việt Nam trong trường hợp thanh toán bằng tiền.

4.4. Hồ sơ đăng ký thay đổi VDL

Điều 51 Nghị định 01/2021/NĐ-CP quy định một số yêu cầu đối với hồ sơ đăng ký giảm VDL của doanh nghiệp như sau:

- Hồ sơ giảm VDL bao gồm các tài liệu sau: (i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; (ii) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu/ HĐQT/ ĐHĐCĐ công ty về việc thay đổi VDL; (iii) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.
- Doanh nghiệp phải cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn. Quy định không đề cập cụ thể, song trên thực tế, việc cam kết này phải được thể hiện cả trên các Nghị quyết, Quyết định nội bộ của doanh nghiệp cũng như trong Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp nộp tại Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Trường hợp CTTNHH hai thành viên trở lên giảm VDL bằng hình thức hoàn trả/ mua lại phần vốn góp của thành viên, hồ sơ đăng ký giảm VDL phải kèm theo báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết định giảm VDL. Tại đây, mặc dù pháp luật về doanh nghiệp không có quy định song theo Điểm a Khoản 1 Điều 15 Nghị định 17/2012/NĐ-CP, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng phải kiểm toán BCTC năm. Theo đó, trường hợp CTTNHH hai thành viên trở lên có vốn đầu tư nước ngoài thì nên nộp BCTC có kiểm toán để đảm bảo tính xác thực của hồ sơ đăng ký giảm VDL.

V. Một số hệ quả pháp lý cần lưu ý giải quyết đối với doanh nghiệp giảm VDL

Thứ nhất, trong nhiều trường hợp việc giảm VDL có thể làm thay đổi tỷ lệ sở hữu phần vốn góp/ cổ phần, qua đó dẫn đến thay đổi tỷ lệ biểu quyết của các thành viên/ cổ đông trong công ty, cụ thể như sau:

a. Trường hợp giảm VĐL bằng hình thức mua lại phần vốn góp/ cổ phần của thành viên/ cổ đông (do thành viên/ cổ đông biểu quyết không thông qua Nghị quyết của công ty liên quan đến việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của thành viên/ cổ đông trong công ty): Thành viên/ cổ đông yêu cầu và công ty mua lại toàn bộ phần vốn góp/ cổ phần của họ, thì những người này không còn là thành viên/ cổ đông của công ty. VĐL trong trường hợp này của công ty sẽ giảm tương ứng với giá trị phần vốn góp/ số cổ phần mà công ty đã mua lại của thành viên/ cổ đông, tỷ lệ sở hữu phần vốn góp/ cổ phần của các thành viên/ cổ đông còn lại sẽ được điều chỉnh tương ứng trên mức VĐL mới sau giảm.

b. Trường hợp giảm VĐL do thành viên/ cổ đông không góp/ không góp đủ VĐL trong thời hạn quy định khi đăng ký thành lập doanh nghiệp:

Doanh nghiệp phải giảm VĐL nếu:

- Thành viên/ Cổ đông chưa góp vốn theo cam kết/ chưa thanh toán số cổ phần đăng ký mua hoặc thành viên/ cổ đông chỉ góp một phần vốn đã cam kết/ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua; và
- Phần vốn đăng ký nhưng chưa góp/ số cổ phần đăng ký nhưng chưa thanh toán có thể không được các thành viên góp vốn/ cổ đông còn lại trong doanh nghiệp hoặc các thành viên góp vốn/ cổ đông mới đăng ký và góp/ thanh toán trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn 90 ngày tính từ thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Do có sự xáo trộn về thành viên/ cổ đông và giá trị vốn góp/ cổ phần của các cổ đông không theo đăng ký ban đầu, tỷ lệ sở hữu phần vốn góp/ cổ phần của các thành viên/ cổ đông trong doanh nghiệp cũng sẽ được điều chỉnh lại tương ứng trên cơ sở mức VĐL mới, trừ trường hợp tất cả các thành viên/ cổ đông đều chỉ góp/ thanh toán 1 phần giá trị và giữ nguyên tỷ lệ sở hữu ban đầu.

Thứ hai, trường hợp CTCP sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.

Thứ ba, dưới góc độ pháp lý về đấu thầu, đất đai, việc giảm VĐL có thể hiểu là sự giảm về năng lực tài chính/ năng lực vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Pháp luật không giới hạn về mức giảm VĐL của doanh nghiệp, tuy nhiên, doanh nghiệp cần cân nhắc kỹ lưỡng mức giảm vốn để đảm bảo số VĐL sau khi giảm của doanh nghiệp vẫn đáp ứng yêu cầu năng lực của chủ đầu tư/ nhà thầu khi tham gia đấu thầu hoặc năng lực tài chính tối thiểu để nhà nước giao đất/ cho thuê đất/ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Thứ tư, trường hợp giảm VĐL dẫn đến hệ quả một số tài sản phải đăng ký quyền sử dụng/ quyền sở hữu không còn thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của doanh nghiệp nữa, doanh nghiệp cần thực hiện thủ tục điều chỉnh tương ứng tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Thứ năm, trường hợp giảm VĐL mà thành viên/ chủ sở hữu/ cổ đông là các nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp và/hoặc thành viên/chủ sở hữu/ cổ đông cần lưu ý thực hiện thủ tục về đầu tư tương ứng theo quy định.

VI. Một số vướng mắc trong quy định pháp luật liên quan đến vấn đề giảm VĐL và phương hướng giải quyết trên thực tiễn

6.1. Quy định HĐQT có thẩm quyền quyết định mua lại cổ phần trong CTCP

Theo Khoản 1 Điều 133 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định “*HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định*”. Điều này có nghĩa là trong CTCP, cả HĐQT và ĐHĐCĐ đều có thể quyết định việc mua lại cổ phần, tùy theo tỷ lệ và giá trị mua lại.

Tuy nhiên, quy định này theo chúng tôi có sự mâu thuẫn ngay trong chính văn bản luật và không có tính khả thi. Cụ thể, ngay trong quy định của Luật Doanh nghiệp, các vấn đề liên quan đến cổ phần, số lượng cổ phần của CTCP, VĐL và Điều lệ hoạt động của công ty đều là các vấn đề thuộc thẩm quyền thông qua của ĐHĐCĐ. Trong khi việc mua lại cổ phần đối với cổ đông đương nhiên dẫn tới việc giảm VĐL, giảm số lượng cổ phần, sửa đổi nội dung Điều lệ Công ty.

Thêm nữa, tại Điều 51 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP hướng dẫn về hồ sơ đăng ký thay đổi VĐL của CTCP cũng yêu cầu phải có Nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc thay đổi VĐL mới đủ cơ sở để triển khai việc đăng ký.

Vì vậy, trên thực tế, với trường hợp này, chúng tôi vẫn sẽ đề nghị doanh nghiệp tiến hành công tác triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến của cổ đông để thông qua Nghị quyết/ quyết định mang tính chủ trương về việc giảm vốn, giảm số lượng cổ phần, sửa đổi Điều lệ Công ty và HĐQT sẽ quyết định, triển khai việc mua lại cổ phần từ cổ đông tương ứng theo đúng quy trình nêu tại mục 2.4 ở trên.

6.2. Quy định về việc giảm VĐL của CTCP bằng hình thức hoàn trả phần vốn góp của cổ đông

Điều 112 Khoản 5 Điểm a quy định CTCP có thể giảm VĐL trong trường hợp “*Theo quyết định của ĐHĐCĐ, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông*”.

Theo quy định hiện hành, chúng tôi hiểu rằng, cổ đông góp vốn vào CTCP bằng việc thanh toán giá trị cổ phần, khi việc thanh toán hoàn thành tức là cổ phần đã được phát hành thành công và cổ đông sẽ được sở hữu số lượng cổ phần tương ứng cũng như tỷ lệ biểu quyết tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết tại công ty. Do vậy, đối tượng của giao dịch giữa cổ đông và công ty ở đây là cổ phần chứ không phải phần

vốn góp như trong CTTNHH. Theo đó, với CTCP nếu hoàn lại vốn sẽ được coi là CTCP hoàn trả lại phần giá trị mà cổ đông đã thanh toán khi mua cổ phần trước đó. Giá trị hoàn trả phải tương ứng với số lượng cổ phần và mệnh giá cổ phần chứ không đơn thuần là bất kỳ giá trị nào.

Tuy nhiên, ngoại trừ quy định nêu trên thì Luật và các văn bản hướng dẫn chưa có các quy định cụ thể về cách thức, quy trình mà CTCP hoàn trả vốn góp cho cổ đông. Do đó, trên thực tế, hầu như các CTCP khi muốn giảm VĐL thì sẽ đều sẽ lựa chọn thực hiện theo cách thức mua lại cổ phần từ cổ đông thay vì hoàn vốn theo quy định trên.

Việc tăng hay giảm VĐL được coi là quyền của doanh nghiệp, người góp vốn/ người sở hữu cổ phần. Tuy nhiên, vì liên quan đến năng lực tài chính của doanh nghiệp nên hồ sơ và quy trình triển khai công việc có liên quan phải đảm bảo đầy đủ và chặt chẽ. Hi vọng chuyên đề này của ATA sẽ giúp các khách hàng và cả những luật sư đồng nghiệp có được thêm kinh nghiệm và cách thức giải quyết vấn đề trong quá trình triển khai/ tư vấn triển khai hồ sơ, thủ tục giảm VĐL doanh nghiệp, vừa bảo đảm quyền lợi hợp pháp của mình, của khách hàng vừa tránh những rủi ro pháp lý có thể phát sinh.

Bảng thuật ngữ viết tắt:

VĐL	Vốn điều lệ	CTCP	Công ty cổ phần
CT TNHH	Công ty trách nhiệm hữu hạn	ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị	HĐTV	Hội đồng thành viên
TNCN	Thu nhập cá nhân	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp

VỀ CHÚNG TÔI

CÔNG TY LUẬT TNHH TOÀN CẦU ATA (ATA LEGAL SERVICES) là một công ty luật được thành lập và điều hành bởi những luật sư dày dặn kinh nghiệm. Mục tiêu và phương châm hoạt động của ATA Legal Services là cung cấp các dịch vụ pháp lý linh hoạt và toàn diện cho các khách hàng là tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế. Trong đó, lĩnh vực hoạt động trọng tâm của chúng tôi là tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp.

Tất cả luật sư thành viên, luật sư, cố vấn cấp cao, chuyên gia tư vấn của ATA Legal Services đều được đào tạo bài bản và có kinh nghiệm nhiều năm trong những lĩnh vực mà họ phụ trách. Đặc biệt, các luật sư thành viên của ATA Legal Services đều đã từng tư vấn và làm việc với các tập đoàn kinh tế hoặc các ngân hàng, công ty chứng khoán lớn như Vingroup, FLC, DNP Holding, Tasco, Techcombank, SHB, VPS, v.v.

Với thái độ nghiêm túc, chuyên nghiệp cùng với sự tận tâm của đội ngũ khi luôn cố gắng đặt mình vào vị trí của khách hàng để thấu hiểu nhu cầu, nguyện vọng của khách hàng, chúng tôi cam kết sẽ mang tới những dịch vụ hiệu quả và phù hợp nhất cho Quý khách hàng.

- Điện thoại: 091.4645.112
- Email: contact@ata-legal.com
- Website: <https://ata-legal.com>
- Địa chỉ: Số 184 Nguyễn Tuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**ATA
LEGAL
SERVICES**